

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 199 /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chính sách hỗ trợ phục vụ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách hỗ trợ phục vụ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về chính sách hỗ trợ phục vụ đối với các chức danh, chức vụ lãnh đạo thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý theo Quy định số 368-QĐ/TW ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị (sau đây viết tắt là Quy định số 368-QĐ/TW); các chức danh, chức vụ theo cấp bậc hàm trong Công an nhân dân; các chức danh, chức vụ theo cấp bậc quân hàm trong Quân đội nhân dân.

2. Các chức danh, chức vụ lãnh đạo được hưởng chính sách, chế độ quy định tại Quyết định số 36/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ thì không hưởng chính sách tại Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị, gồm:

a) Các chức danh, chức vụ lãnh đạo thuộc diện Bộ Chính trị quản lý theo Quy định số 368-QĐ/TW;

b) Các chức danh, chức vụ lãnh đạo thuộc diện Ban Bí thư quản lý theo Quy định số 368-QĐ/TW.

2. Các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý, chỉ huy trong Công an nhân dân, gồm:

a) Sĩ quan có cấp bậc hàm Thượng tướng và các chức danh, chức vụ có cấp bậc hàm cao nhất là Thượng tướng;

b) Sĩ quan có cấp bậc hàm Trung tướng và các chức danh, chức vụ có cấp bậc hàm cao nhất là Trung tướng;

c) Sĩ quan có cấp bậc hàm Thiếu tướng và các chức danh, chức vụ có cấp bậc hàm cao nhất là Thiếu tướng.

3. Các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý, chỉ huy trong Quân đội nhân dân, gồm:

a) Thượng tướng, Đô đốc Hải quân và các chức danh, chức vụ có cấp bậc quân hàm cao nhất là Thượng tướng;

b) Trung tướng, Phó Đô đốc Hải quân và các chức danh, chức vụ có cấp bậc quân hàm cao nhất là Trung tướng;

c) Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân và các chức danh, chức vụ có cấp bậc quân hàm cao nhất là Thiếu tướng.

Điều 3. Mức hỗ trợ phục vụ

1. Mức 2.700.000 đồng/tháng áp dụng đối với nhóm chức danh, chức vụ quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

2. Mức 2.000.000 đồng/tháng áp dụng đối với nhóm chức danh, chức vụ quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

3. Mức 1.350.000 đồng/tháng áp dụng đối với nhóm chức danh, chức vụ quy định tại điểm b khoản 1, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Khi các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này được điều động, luân chuyển, biệt phái thì thực hiện theo mức hỗ trợ tương ứng với vị trí công tác được điều động, luân chuyển, biệt phái.

2. Khi các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này thôi giữ chức danh, chức vụ, nghỉ hưu hoặc từ trần thì thôi hưởng chính sách hỗ trợ phục vụ.

3. Khi các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này giữ nhiều chức danh, chức vụ thì được hưởng một mức hỗ trợ phục vụ theo chức danh, chức vụ cao nhất.

Điều 5. Nguồn kinh phí

Khoản hỗ trợ phục vụ được thanh toán định kỳ hằng tháng cùng với thanh toán tiền lương. Nguồn kinh phí chi trả chính sách hỗ trợ phục vụ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trả lương cho các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này.

Điều 6. Điều khoản áp dụng

Các chức danh, chức vụ Trưởng ban Đảng ở Trung ương, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đang giữ chức vụ tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được áp dụng mức chi hỗ trợ phục vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này cho đến khi có văn bản của cấp có thẩm quyền quy định chính sách cho đối tượng này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định số 269/2005/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp phục vụ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Khi văn bản dẫn chiếu quy định tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn Văn Thắng